

Bản án số: 92/2022/DS-PT

Ngày: 07 - 4 - 2022

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy quyết định cá biệt”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn.**

Ông **Nguyễn Tấn Trường.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/TBTL-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1386/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Lê Quang M**, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 7, thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Ngọc A, Công ty Luật TNHH MTV S, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 222 đường N, phường, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà **Lê Thị Th**, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 7, thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L; địa chỉ: 18/8, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Bà Dương Thị Minh T1; trú tại: Tổ 40, thôn V, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Mai Thị T2, thuộc Công ty Luật TNHH V1, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn B1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q1 (văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 11 năm 2020).

2. Chị Lê Thị Li D1, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 21 đường L, phường V2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1954; chết tháng 6 năm 2021.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thắng:

3.1. Ông Lê Quang M (chồng; là nguyên đơn) và các con:

3.2. Ông Lê Quang L1, sinh năm 1976; vắng mặt.

3.3. Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1980; vắng mặt.

3.4. Ông Lê Quang Th2, sinh năm 1981; vắng mặt.

3.5. Bà Lê Thị Kim Th3, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Lê Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận nguyên đơn là người đang sử dụng đất hợp pháp đối với 457m² nằm trong 1.042m² đất thuộc thửa đất số 685, tờ bản đồ số 24, tại Tổ 7, thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam. Đất có nguồn gốc do nguyên đơn khai hoang năm 1993 và sử dụng ổn định bằng hình thức làm nơi ép mía, trồng cây lâu năm, cây hàng năm. Năm 1998, bị đơn gặp nguyên đơn xin đất để làm nhà nhưng nguyên đơn không đồng ý, sau đó bà Th được ông Nguyễn Danh Y và ông Trần Hữu H2 (những người cùng canh tác trên mảnh đất thuộc thửa 685) đồng ý cho đất nên bà Th đã làm nhà ở trên phần đất mà ông Y và ông Hòa cho. Khi bà Th ử đất làm nhà xâm phạm đến đất của nguyên đơn thì nguyên đơn không đồng ý và cản trở. Vì vậy, mặc dù bà Th đã làm nhà trên thửa đất 685 nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục sử dụng một phần thửa 685, diện tích 457m² cho đến nay. Nguyên đơn cho rằng: khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì nguyên đơn là người đang sử dụng đất ổn định, có đăng ký tại sổ quản lý đất đai của xã; cơ quan có thẩm quyền không lập thủ tục thu hồi đất đúng quy định nhưng lại lấy đất của nguyên đơn cấp cho bị đơn

vào năm 1998 là không đúng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Q1 đã cấp cho bị đơn liên quan đến diện tích đất của nguyên đơn đang sử dụng ổn định. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án xác nhận nguyên đơn là người đang sử dụng hợp pháp đất tranh chấp để nguyên đơn đăng ký, kê khai, lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng năm 1998, khi có nhu cầu làm nhà ở thì bị đơn đến gia đình ông Y, ông H2 và ông M để xin đất thì được ông H2, ông Y, M đồng ý. Sau khi được các ông trên đồng ý, bà Th đã làm đơn và được cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất của ba người trên, cấp bìa đỏ cho hộ gia đình bà. Sau khi được cấp bìa đỏ, bị đơn cày đất làm nhà thì nguyên đơn ngăn cản, dẫn đến bị đơn chỉ làm nhà trên phần đất của ông Y và ông H2, còn nguyên đơn tiếp tục sử dụng đất tranh chấp. Trong thời gian qua, nhiều lần bị đơn sử dụng đất thì nguyên đơn ngăn cản, có lần hai bên xảy ra xô xát, dẫn đến cơ quan công an địa phương phải can thiệp. Bị đơn cho rằng bà là người nộp thuế, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm như sau:

+ Ủy ban nhân dân huyện Q1 xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị Th đối với thửa số 685, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.042m² được Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đúng quy định của pháp luật; hiện cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương không lưu trữ hồ sơ thu hồi đất đối với diện tích đất tranh chấp; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của các đương sự trong vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Th1 thống nhất quan điểm của nguyên đơn;

+ Chị Lê Thị Li D1 thống nhất quan điểm của bị đơn.

- *Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản sao hồ sơ đăng ký đất đai, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp; bản photo việc quản lý đất đai của Hợp tác xã thuộc xã Q; biên bản hòa giải tại cơ quan có thẩm quyền; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quan điểm trình bày của các đương sự; biên bản công khai chứng cứ và hòa giải; thủ tục tố tụng tại Tòa án và các tài liệu liên quan khác.

Với các nội dung trên;

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 39, 34 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163, 221, 224 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 21, 24, 28 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998; các điều 100, 101, 166, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Quang M, buộc bà Lê Thị Th chấm dứt hành vi cản trở ông Lê Quang M thực hiện quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 457m², trong tổng diện tích 1.042m² đất, thuộc thửa số 685, tờ bản đồ số 24, tại thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam; xác định ông Lê Quang M là người đang sử dụng hợp pháp đối với 457m² đất, trong tổng diện tích 1.042m² đất, thuộc thửa số 685, tờ bản đồ số 24, tại thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam. Ông Lê Quang M có nghĩa vụ kê khai, đăng ký, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng theo pháp luật quy định (*từ cận, tọa độ 457m² đất được thể hiện trong sơ đồ, bản vẽ kèm theo bản án*).

2. Chấp nhận quan điểm của nguyên đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q1 cấp cho hộ bà Lê Thị Th ngày 20 tháng 10 năm 1998, liên quan đến phần diện tích đất tranh chấp 457m² trong tổng diện tích 1.042m², thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 24, tại thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2021, bị đơn bà Lê Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 15 tháng 3 năm 2022 cấp phúc thẩm nhận được đơn xin xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T3, nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận và Vi bằng số 34 ngày 11/3/2022 do Văn phòng thừa phát lại Đ1 cung cấp hiện trạng đất bà Lê Thị Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp

hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, quá trình giải quyết vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Th, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Quang M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã thụ lý, giải quyết vụ án “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, công nhận người đang sử dụng đất; hủy quyết định cá biệt*”. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm điều chỉnh quan hệ tranh chấp vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” là trái quy định tại Điều 5 Bộ luật Dân sự 2015 về quyền quyết định và định đoạt của đương sự; quyết định cá biệt không phải là một quan hệ pháp luật dân sự, vì vậy chỉ xem đó là ý kiến của đương sự.

[2]. Xét kháng cáo Lê Thị Th thì thấy:

[2.1]. Nguồn gốc, diện tích đất 1.042 m² thửa đất số 685, tờ bản đồ số 24 loại đất ở kèm đất vườn tại thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam; đã được Ủy ban nhân dân huyện Q1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho hộ bà Lê Thị Th năm 1998; về nguồn gốc, đất do nhà nước quản lý cấp theo tinh thần Nghị định 64/CP. Bà Lê Thị Th xây dựng một nhà cấp 4, canh tác trồng hoa màu và đóng thuế cho đến nay. Ngày 13/8/2020, bà đang trồng rau khoai trên đất thì ông M nhổ rau xô xát dẫn đến tranh chấp.

[2.2]. Tại văn bản trả lời ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Q1, xác định: Trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Th ngày 20 tháng 8 năm 1997 và được Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận ngày 17 tháng 9 năm 1997 và hồ sơ địa chính thực hiện theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện Q1 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00278/QSDĐ/QP3/QS cấp cho bà Lê Thị Th ngày 28/10/1998 đối với thửa đất 685, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.042m² loại đất ở + đất vườn, là thực hiện đúng theo quy định của luật đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện Sơn khẳng định: Việc cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Lê Thị Th là đúng trình tự thủ tục (kèm theo văn bản, tài liệu có hồ sơ liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ, BL từ 78 đến 81). Xét thấy ý kiến của UBND huyện Q1 phù hợp với xác nhận ngày 11/3/2022 về nguồn gốc sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T3, nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận, Vì bằng số 34 ngày

11/3/2022 do Văn phòng thừa phát lại Đ1 cung cấp và trình bày của bà Th về nguồn gốc, hiện trạng và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đối với diện tích đất bà Lê Thị Th.

Tuy nhiên, ông Lê Quang M cho rằng đất do ông khai hoang năm 1993, (án sơ thẩm nhận định từ 1980) và sử dụng ổn định bằng hình thức làm nơi ép mía, trồng cây lâu năm, cây hàng năm, ông là người đang sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích 457m² nằm trong 1.042m² đất thuộc thửa đất số 685, tờ bản đồ số 24, tại Tổ 7, thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam, nhưng không có bất cứ một tài liệu gì để chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất. Lời khai này của ông M mâu thuẫn với ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân huyện Q1 tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 11 năm 2020, trong đó Ủy ban nhân dân huyện Q1 khẳng định diện tích cấp GCNQSDĐ cho bà Th chỉ là một thửa số hiệu 685, tờ bản đồ 24 có diện tích 1.042m² (không có thửa nào diện tích 457m²) và Văn bản số 622/UBND-NC ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Q1.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Việc Ủy ban nhân dân huyện Q1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Th theo tinh thần Nghị định số 64/CP của Chính phủ theo Luật đất đai năm 1993 không cần phải ra quyết định thu hồi đất như nhận định của án sơ thẩm. Bởi vì diện tích đất cấp cho hộ bà Lê Thị Th là do nhà nước quản lý chứ không phải đất của ông Lê Quang M và thực tế bà Th làm nhà ở từ khi được cấp đất. Ngoài ra, mảnh trích đo địa chính thửa đất số 01 năm 2021 của chủ sử dụng bà Lê Thị Th, thực hiện đo vẽ theo chỉ đạo của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có ranh giới chồng lấn lên cây cối hoa màu, công trình phụ bà Th, không phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ của vụ án. Xét thấy kháng cáo bà Lê Thị Th là có căn cứ nên sửa toàn bộ án sơ thẩm

[3] Xét ý kiến đề nghị hủy quyết định cá biệt thì thấy: Tại văn bản số 622/UBND-NC ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Q1 đã trả lời cho Tòa án có nội dung: *“Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ GCNQSDĐ số 00278/QSDĐ/QP3/QS tại thửa đất số 685, tờ bản đồ số 24, xã Q cho hộ bà Lê Thị Th là đúng theo qui định luật Đất Đai năm 1993 và các văn bản thi hành...UBND huyện không hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà Lê Thị Th”*(BL78). Như vậy, diện tích 1.042m² loại đất ở + đất vườn, thửa đất số 685, tờ bản đồ số 24, Ủy ban nhân dân huyện Q1 đã cấp cho hộ bà Lê Thị Th ngày 28/10/1998, là đúng trình tự thủ tục theo qui định pháp luật nên không có căn cứ để xem xét hủy GCNQSDĐ đã cấp bà hộ Lê Thị Th.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Do sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Lê Quang M nên bà Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự

sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản. Ông Lê Quang M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản, ông M đã nộp xong số tiền 5.500.000 (*năm triệu năm trăm nghìn*) đồng chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản; ngoài ra ông Lê Quang M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Hoàn trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị Th (do ông Ngô Văn M1 nộp thay) theo biên lai thu số 0000003 ngày 07 tháng 10 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

I. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Th, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

II. Căn cứ các điều 26, 39, 34 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 11, 15, 115, 163, 221, 224 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 21, 24, 28 Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang M về việc buộc bà Lê Thị Th chấm dứt hành vi cản trở ông Lê Quang M thực hiện quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 457m², trong tổng diện tích 1.042m² đất, thuộc thửa số 685, tờ bản đồ số 24, tại thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam.

Xác định bà Lê Thị Th là người sử dụng hợp pháp đối với 457m² đất, trong tổng diện tích 1.042m² đất, thuộc thửa số 685, tờ bản đồ số 24, tại thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam.

2. Bác yêu cầu của ông Lê Quang M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q1 cấp cho hộ bà Lê Thị Th vào sổ số 00278/QSDĐ/QP3/QS ngày 28 tháng 10 năm 1998, liên quan đến phần diện tích đất tranh chấp 457m² trong tổng diện tích 1.042m², thuộc thửa 685, tờ bản đồ số 24, tại thôn M, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

+ Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản.

+ Ông Lê Quang M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản. Ông Lê Quang M đã nộp xong số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản; ngoài ra ông Lê Quang M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (do ông Ngô Văn M1 nộp thay) theo biên lai thu số 0000003 ngày 07 tháng 10 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/4/2021).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn